

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng điểm trong ngày hôm nay cho đến khi tới ngưỡng 1,890 thì quay đầu giảm. Chỉ số đã cố vượt ngưỡng này 2 lần trong phiên nhưng không thành công. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,855.56 điểm, giảm hơn 6 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Du lịch & giải trí giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên sàn UPCOM. Đà tăng đốc của VN-Index đã chứng lại trong ngày hôm nay, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/01/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-6.02** điểm, đóng cửa tại **1855.56** điểm. HNX-Index **-0.30** điểm, đóng cửa tại **249.1** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+7.98)**, **BID (+3.38)**, **GAS (+1.69)**, **TCX (+0.94)**, **CTG (+0.89)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-8.67)**, **VIC (-3.99)**, **VPL (-2.34)**, **VRE (-1.22)**, **GEE (-1.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **36,186** tỷ đồng, tăng **21.55%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 40,183 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 38.22 điểm. Thị trường có **144** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **183** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **453.35** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (282.97 tỷ)**, **SHB (249.66 tỷ)**, **TCX (183.41 tỷ)**, **VCB (165.62 tỷ)**, **GAS (138.79 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **85.07** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.19%**. Các mã diễn biến tích cực:
VCB (+6.88%) [\(Link báo cáo\)](#)
BID (+5.13%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+3.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.61%**. Các mã diễn biến tích cực:
GAS (+3.50%) [\(Link báo cáo\)](#)
POW (+2.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
GVR (+2.04%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.19%	-0.61%	-0.32%	-1.08%
1 tuần	3.80%	2.15%	3.98%	2.14%
1 tháng	5.66%	0.32%	6.20%	5.12%
3 tháng	0.59%	-6.34%	6.18%	4.72%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,855.56	249.10	121.59
% 1D	-0.32%	-0.12%	0.45%
GTKL (tỷ VND)	36,186	2,125	661
%1D	21.55%	52.62%	-35.89%
GDNN (tỷ VND)	453.35	85.07	-37.84

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	282.97	MCH	-717.13
SHB	249.66	VHM	-334.24
TCX	183.41	ACB	-83.42
VCB	165.62	DXG	-77.65
GAS	138.79	KDH	-69.64

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

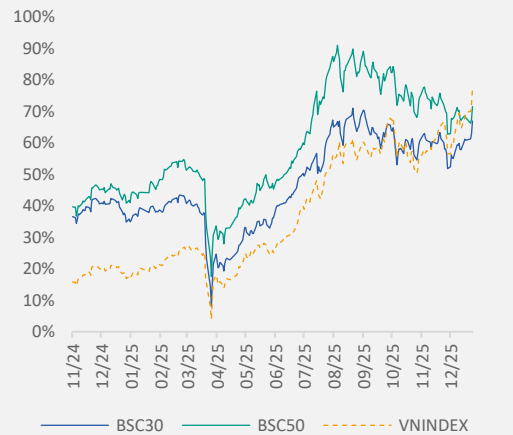
		%D	%W
SPX	6,921	-0.34%	0.36%
FTSE100	10,026	-0.22%	0.95%
Eurostoxx	5,932	0.25%	2.40%
Shanghai	4,083	-0.07%	2.97%
Nikkei	51,117	-1.63%	1.21%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	60.03	-0.54%
Giá vàng	4,421	1.91%
Tỷ giá		
USD/VND	26,381	0.01%
EUR/VND	31,463	-0.16%
JPY/VND	171	-0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	7.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

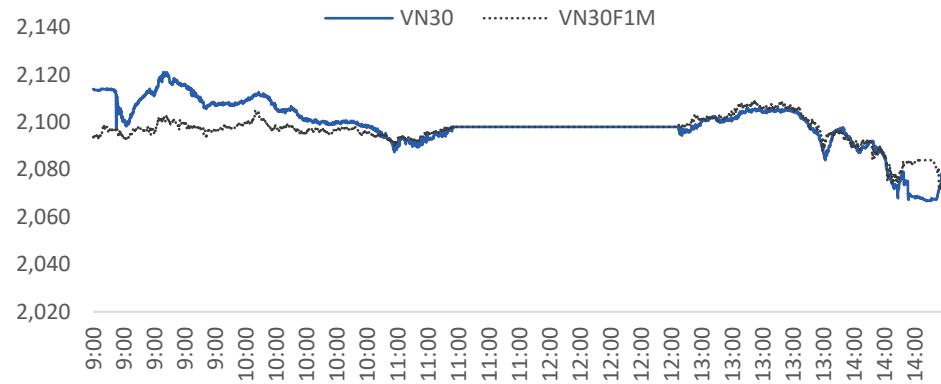
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111G1000	2074.00	-0.68%	287,988	9.6%	15/01/2026	7
4111G6000	2071.50	-0.51%	76	20.6%	18/06/2026	161
4111G1000	2074.00	-0.68%	287,988	9.6%	15/01/2026	7
4111G3000	2074.90	-0.67%	64	-16.88%	19/03/2026	70

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -22.73 điểm, đóng cửa tại 2074.03 điểm. Biên độ dao động 53.19 điểm. Các cổ phiếu như VHM, MWG, VRE, VJC, VIC tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đảo chiều giảm từ giữa phiên chiều. Chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ, dưới tham chiếu. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 4111G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2524	25/06/2026	168	1,100	55.18%	43.11	570	42.5%	0.05	45.39	29.25	29.25
CFPT2510	23/02/2026	46	52,600	38.65%	131.45	110	37.5%	0.00	133.80	96.50	96.50
CVIC2516	18/01/2027	375	102,200	14.09%	125.00	19,120	19.5%	15.25	201.48	176.60	176.60
CVIB2510	3/03/2026	54	2,300	14.60%	19.22	400	14.3%	0.14	20.63	18.00	18.00
CHPG2532	23/07/2026	196	100	31.14%	31.20	1,140	10.7%	0.42	34.62	26.40	26.40
CVNM2521	25/06/2026	168	31,400	19.42%	67.30	730	10.6%	0.25	74.28	62.20	62.20
CSTB2524	23/06/2026	166	16,500	16.17%	53.90	1,650	10.0%	1.19	62.15	53.50	53.50
CSHB2513	25/03/2026	76	29,600	30.89%	20.57	580	9.4%	0.10	21.73	16.60	16.60
CTCB2524	26/05/2026	138	2,000	17.08%	39.00	1,050	9.4%	0.66	42.15	36.00	36.00
CVNM2518	3/04/2026	85	449,000	10.37%	65.11	370	8.8%	0.19	68.65	62.20	62.20
CVNM2514	23/01/2026	15	148,300	-0.16%	53.54	1,120	8.7%	1.15	62.10	62.20	62.20
CSTB2531	9/03/2026	60	687,600	15.98%	60.10	650	8.3%	0.43	62.05	53.50	53.50
CVIC2515	16/10/2026	281	182,200	12.70%	122.50	19,130	8.0%	15.12	199.02	176.60	176.60
CVNM2522	8/06/2026	151	213,500	9.89%	57.84	1,100	7.8%	0.72	68.35	62.20	62.20
CVNM2519	4/05/2026	116	50,900	12.50%	65.96	420	7.7%	0.22	69.98	62.20	62.20
CVPB2525	25/03/2026	76	808,900	13.30%	31.70	720	7.5%	0.49	33.14	29.25	29.25
CSHB2509	3/04/2026	85	67,700	7.27%	13.47	2,450	7.5%	1.95	17.81	16.60	16.60
CVIC2517	26/05/2026	138	28,500	10.56%	122.50	14,550	6.9%	11.35	195.25	176.60	176.60
CVNM2515	23/06/2026	166	417,000	6.60%	57.36	2,340	6.8%	1.95	66.31	62.20	62.20
CVNM2509	23/02/2026	46	196,400	8.77%	66.48	160	6.7%	0.09	67.66	62.20	62.20

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 08/01/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CVPB2524 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 42.50%. CVIC2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.59%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CFPT2503, CVRE2526, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2511, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	63.70	6.88%	7.98	8.36
BID	43.05	5.13%	3.38	7.02
GAS	91.60	3.50%	1.69	2.41
TCX	50.60	3.69%	0.94	2.31
CTG	38.20	2.00%	0.89	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	144.40	9.98%	1.64	0.20
PVS	37.20	3.33%	0.36	0.51
BAB	12.70	2.42%	0.18	1.00
NTP	66.30	2.47%	0.16	0.17
SHS	19.70	1.55%	0.16	0.90

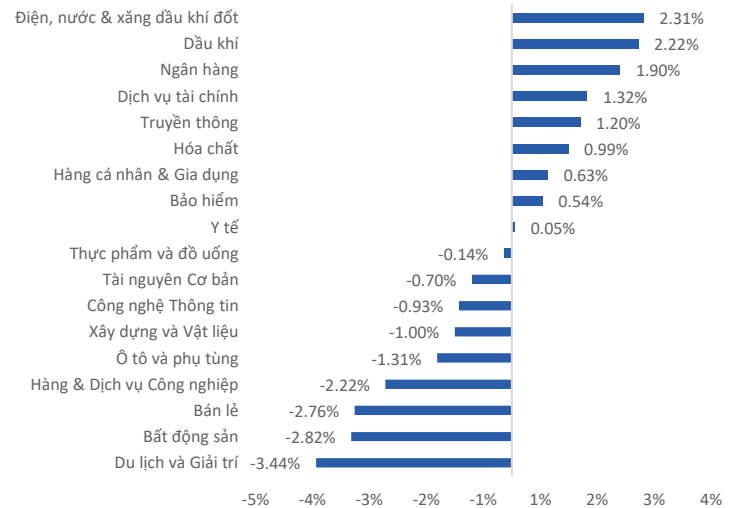
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	8.99	6.90%	0.01	0.05
VCB	63.70	6.88%	8.19	27.42
STG	41.55	6.81%	0.06	0.00
YBM	11.80	6.79%	0.01	0.05
FDC	18.15	6.76%	0.01	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	144.40	9.98%	12.17	0.04
VMS	36.80	9.85%	0.14	0.01
MVB	19.00	9.83%	0.83	0.08
MED	24.70	9.78%	0.13	0.00
SDG	10.20	9.68%	0.04	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	139.10	-6.96%	-8.67	4.11
VIC	176.60	-1.34%	-3.99	7.73
VPL	94.10	-6.37%	-2.34	1.79
VRE	35.90	-6.87%	-1.22	2.27
GEE	212.00	-6.40%	-1.08	0.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	66.20	-2.65%	-0.90	0.90
PVI	96.00	-2.54%	-0.32	0.23
IDC	37.90	-2.57%	-0.21	0.38
HUT	15.90	-0.63%	-0.06	1.07
DNP	19.20	-3.03%	-0.05	0.14

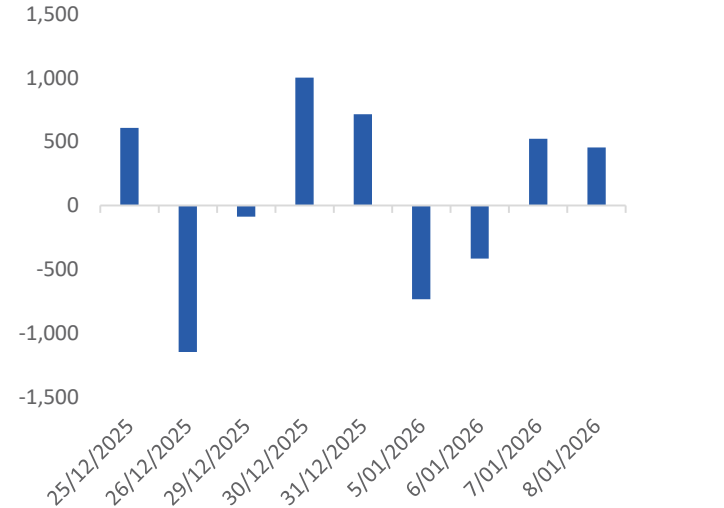
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	5.08	-6.96%	-0.01	1.89
VHM	139.10	-6.96%	-8.89	15.82
VAF	19.50	-6.92%	-0.01	0.00
NNC	60.70	-6.90%	-0.02	0.06
VRE	35.90	-6.87%	-1.25	17.88

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SDU	18.50	-9.76%	-0.15	0.00
SDC	6.60	-9.59%	-0.01	0.01
TPP	9.60	-9.43%	-0.24	0.02
NSH	5.00	-9.09%	-0.04	0.35
PTX	22.00	-9.09%	-0.05	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	87.5	-2.6%	1.2	131,867	1063.5	3,957	22.7	106,000	47.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.6	-0.6%	1.1	33,715	232.9	1,872	19.1	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	30.5	-2.7%	1.1	35,181	260.8	857	36.6	39,900	28.4%	Link
PDR	Bất động sản	18.5	-1.6%	1.4	18,759	193.5	211	89.2	28,200	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	139.1	-7.0%	1.4	614,058	2260.7	6,133	24.4	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.5	-1.0%	0.8	166,092	584.1	5,280	18.5	118,700	39.2%	Link
BSR	Dầu khí	18.6	3.6%	0.0	89,881	843.7	413		23,200	0.9%	Link
PVS	Dầu khí	37.2	3.3%	1.4	18,411	623.9	2,841	12.7	42,800	14.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.5	1.1%	1.2	24,029	265.1	1,330	16.7		34.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.6	1.5%	1.1	74,982	1355.0	1,849	16.3		33.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.0	-0.4%	0.9	29,456	407.5	1,571	22.1		17.3%	
DCM	Hóa chất	34.7	1.9%	1.1	18,000	201.9	3,578	9.5	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	62.8	-2.0%	1.1	24,344	337.3	8,296	7.7	109,300	6.4%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	-0.4%	0.8	126,619	761.7	3,385	7.3	28,400	28.7%	Link
BID	Ngân hàng	43.1	5.1%	1.0	287,525	1190.6	3,781	10.8	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	38.2	2.0%	1.0	290,872	1242.9	4,292	8.7	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	28.8	-1.0%	1.0	145,654	579.0	3,014	9.7	34,400	23.2%	Link
MBB	Ngân hàng	26.6	-0.4%	1.0	215,068	1279.2	3,017	8.9	29,300	21.5%	Link
MSB	Ngân hàng	12.7	0.4%	1.0	39,312	210.8	1,729	7.3	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	53.5	0.2%	0.9	100,671	1075.2	6,519	8.2		15.2%	
TCB	Ngân hàng	36.0	-1.1%	1.1	257,939	1178.9	3,111	11.7	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.7	1.2%	1.1	48,407	507.1	2,358	7.4	-	25.0%	Link
VCB	Ngân hàng	63.7	6.9%	0.8	497,998	1716.1	4,202	14.2	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	18.0	-0.3%	0.8	61,442	312.6	2,225	8.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.3	0.0%	1.0	232,067	882.6	2,603	11.2	35,650	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.4	-0.8%	0.9	204,167	1119.0	1,876	14.2	33,170	20.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.8	-0.6%	1.0	9,843	42.3	1,184	13.4	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.6	-1.1%	1.0	10,334	136.3	4,150	6.5	28,800	1.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.3	-0.1%	1.1	113,360	355.5	2,196	35.7	98,300	22.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.2	2.1%	0.6	127,278	352.3	4,160	14.6	64,500	50.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.2	-4.07%	1.2	9,499	89.8	2,409	17.8	22.2%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	146.0	-4.33%	1.0	25,988	130.5	3,620	42.2	32.6%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	66.2	1.07%	1.1	48,622	208.8	3,578	18.3	26.7%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.0	-0.87%	1.2	13,659	285.8	519	33.1	3.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	16.5	-1.49%	1.1	18,632	265.2	398	42.1	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	21.8	-0.91%	1.1	4,395	66.4	2,445	9.0	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	26.3	-1.87%	1.2	9,915	78.3	938	28.6	20.3%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.9	-2.57%	1.3	14,763	263.8	4,849	8.0	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	31.0	1.14%	1.1	14,868	127.2	2,191	14.0	43.9%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	54.3	0.00%	1.0	13,147	22.3	5,474	9.9	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.9	-1.32%	0.9	5,445	29.2	1,763	17.2	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	17.1	-2.84%	1.3	16,053	122.4	801	22.0	11.9%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	176.6	-1.34%	1.5	1,379,380	2265.8	1,147	156.0	3.0%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	35.9	-6.87%	1.4	87,598	657.1	2,144	18.0	14.0%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.3	0.69%	1.0	7,622	18.8	1,848	19.5	38.2%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	41.5	0.12%	0.8	52,666	534.7	2,090	19.8	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	30.4	1.33%	0.9	16,676	516.8	1,602	18.7	10.9%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.7	0.15%	1.2	11,313	45.0	1,262	25.9	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.2	0.77%	1.8	17,126	153.8	1,656	15.7	2.8%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	91.6	3.50%	0.9	213,546	575.6	5,014	17.7	2.1%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.0	2.94%	1.0	41,723	598.3	677	20.1	4.9%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.7	-0.48%	0.8	33,583	38.2	4,776	13.0	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	203.0	-3.15%	0.6	124,002	460.4	2,897	72.4	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.0	-0.59%	1.1	38,126	402.1	2,313	18.3	9.0%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.0	0.48%	0.9	26,741	134.9	3,495	17.9	41.7%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.6	-2.54%	0.7	9,980	100.4	6,185	9.6	7.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.8	1.22%	0.9	9,634	275.4	2,090	9.8	10.0%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.1	-2.05%	0.0	12,446	210.2	3,139	32.6	4.9%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	104.0	1.36%	0.8	35,002	115.6	6,911	14.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.5	0.19%	0.8	2,963	60.7	2,535	10.4	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.4	-1.08%	1.4	2,394	14.5	2,856	6.5	16.3%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.5	0.21%	1.0	15,944	188.1	1,212	19.3	3.7%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	30.1	2.04%	1.2	117,800	312.0	1,569	18.8	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.9	0.46%	1.1	40,514	217.0	1,635	13.3	3.0%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	42.0	-0.24%	0.4	125,765	80.5	3,469	12.1	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.6	1.39%	0.0	24,706	28.4	2,337	6.2	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.0	-0.42%	0.9	31,957	88.4	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	-0.33%	1.0	6,714	67.8	571	26.3	5.1%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.0	-2.53%	1.2	6,829	35.0	2,829	9.1	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.3	-0.67%	0.6	11,401	77.5	1,715	21.9	3.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.3	-0.41%	0.8	62,204	78.0	3,373	14.4	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.1	0.18%	1.0	12,794	60.0	6,944	8.2	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	174.4	-1.58%	0.5	14,506	39.8	14,639	12.1	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	72.5	0.00%	1.0	7,721	47.5	6,245	11.6	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.7	0.67%	1.0	10,192	100.9	5,128	17.4	5.1%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	37.3	-1.06%	1.0	3,795	18.6	3,037	12.4	5.6%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.7	-0.78%	1.1	6,976	53.2	1,101	11.6	10.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.5	-2.40%	0.8	10,303	166.9	1,377	18.2	13.3%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.4	-0.45%	1.0	14,513	115.2	6,148	3.7	4.4%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.5	-1.14%	1.2	19,727	72.0	3,090	14.2	2.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>